

Bản án số: 160/2022/HS-PT

Ngày 07 tháng 4 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 569/2021/TLPT-HS ngày 06 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo Phạm Thị Kim H và đồng phạm bị xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Do có kháng cáo của bị cáo Võ Hoàng Y, Nguyễn Văn H3 đối với Bản án sơ thẩm số: 30/2021/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 280/2022/QĐPT-HS ngày 22 tháng 3 năm 2022.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn H3, sinh năm 1968 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: số 36/3A, đường L, khu vực 1, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: chạy xe ôm; con ông Nguyễn Thành N (chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ Phạm Thị Kim H, sinh năm 1966 và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: không (Vắng mặt – Có đơn xin rút kháng cáo ngày 06/12/2021)

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an thành phố Cần Thơ;

2. Võ Hoàng U, sinh năm 1997 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: số 33A/10, đường L, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: số 36/3A, đường L, khu vực 1, phường B, quận B thành phố Cần Thơ; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Võ Hồng T và bà Võ Thị Bích P; chung sống như vợ chồng với Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1991, chưa có con; tiền án, tiền sự: không. (Vắng mặt)

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 23/4/2021

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Bùi Duy T – Văn phòng luật sư Q, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: 12 M, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

Kháng cáo, kháng nghị:

1. Bị cáo Nguyễn Văn H3, sinh năm 1968, có đơn xin rút kháng cáo ngày 06/12/2021;

2. Bị cáo Võ Hoàng U, sinh năm 1997, kháng cáo kêu oan;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/11/2020, Phạm Thị Kim H điện thoại liên hệ với Nguyễn Kim O hỏi mua 01 (một) cây heroin với giá thỏa thuận là 27.000.000 đồng. Sau khi liên hệ xong, H rủ chị ruột là Phạm Thị L đến Hà Nội để thăm người quen nhưng mục đích là gặp O để mua ma túy. Chiều cùng ngày, H và L mua vé máy bay đi từ sân bay Cần Thơ đến sân bay Nội Bài. Khi đến nhà người quen tại Hà Nội, H để L ở lại và một mình đi gặp O. Tại nơi hẹn, H gặp O và thực hiện giao dịch ma túy theo thỏa thuận trước đó, O giao 01 cây heroin được bọc trong túi nilong màu trắng cho H. Cùng lúc, H gặp Nguyễn Trọng H1 và thỏa thuận mua 02 cây heroin với giá 38.000.000 đồng, H1 giao ma túy được bọc trong túi nilong màu xanh cho H. Sau khi mua được ma túy, H để ma túy vào túi xách mang theo bên người. Do lo sợ đi máy bay sẽ bị phát hiện ma túy nên H rủ L đi xe khách về lại Cần Thơ.

Đến ngày 02/12/2020, khi xe về đến trạm dừng chân Phương Trang (thuộc thị xã B, tỉnh Vĩnh Long), H điện thoại cho Nguyễn Văn H3 (chồng của H) đem ma túy về trước và điện cho con trai là Nguyễn Tuấn K để chở H và L về nhà. Khi H3 điều khiển xe mô tô biển số 65D1 – 221.21 đến, H đưa túi xách có chứa ma túy cho H3 còn H và L được K và Võ Hoàng U (vợ sắp cưới của K) chở về nhà bằng xe ô tô biển số 52Y – 7660.

Khi tất cả về đến đường dẫn cầu Cần Thơ và đường Quang Trung thuộc phường H, quận C thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Cần Thơ kết hợp cùng Công an phường H, quận C yêu cầu dừng xe kiểm tra và phát hiện thu giữ tang vật gồm:

- Thu giữ của Nguyễn Văn H3:

+ 01 gói nilong màu đen, bên trong có bọc nilong màu xanh có nẹp miệng chứa chất bột màu trắng, dạng cục (gói 1);

+ 01 bọc nilong không màu, bên trong có chứa 02 gói nilong màu đen hàn kín, bên trong mỗi gói nilong màu đen có 01 gói nilong không màu hàn kín chứa chất bột màu trắng, dạng cục (gói 2);

+ 01 xe moto biển số 65D1 – 221.21;

+ 01 điện thoại di động bề màn hình, phần lưng tách rời, không rõ nhãn hiệu.

* Tại Bản Kết luận giám định số 446/KLGD-PC09 ngày 09/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận:

- Gói 1: chất bột (dạng cục) màu trắng trong gói nilong (ký hiệu M1) gửi giám định là ma túy, loại Heroin, khối lượng 72,9450 gram.

- Gói 2: chất bột (dạng cục) màu trắng trong 02 gói nilong (ký hiệu M2) gửi giám định là ma túy, loại Heroin, khối lượng 37,6855 gram.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Thị Kim H tại số 36/3A, đường L, khu vực 1, phường B, quận B, thành phố C, Cơ quan điều tra phát hiện thu giữ tang vật gồm:

- 04 gói nilong không màu hàn kín, bên trong có chứa chất bột màu trắng, dạng cục, tất cả được để bên trong một bọc nilong màu đen trong ngăn kéo phía dưới tủ áo trên gác nhà H ở;

- 02 cân điện tử;

- 50 bọc nilong không màu;

- 01 xe moto biển số 65U2 – 5021.

* Tại Bản Kết luận giám định số 447/KLGD-PC09 ngày 09/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận: chất bột (dạng cục) màu trắng trong 04 gói nilong gửi giám định là ma túy, loại Heroin, khối lượng 9,1990 gram.

- Quá trình điều tra, Phạm Thị Kim H khai nhận: H bắt đầu hoạt động mua bán ma túy từ tháng 11/2020 cho đến khi bị phát hiện, loại ma túy mà H mua bán là Heroin. Mọi giao dịch trao đổi, mua bán, tìm nguồn mua ma túy, nguồn tiêu thụ, phân chia và cất giấu ma túy đều do H thực hiện. Nguồn ma túy có để bán là do Hưởng mua của một người phụ nữ tên N (không rõ nhân thân) ở quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, khối lượng “01 cây Heroin” với giá 24.000.000 đồng. Năm giao ma túy cho H tại bến xe Cần Thơ, H kêu H3 đến nhận và trả tiền mua ma túy cho N. Sau khi mua được ma túy, H phân chia thành nhiều cục nhỏ loại “05 phân” và bán lại với giá từ 2.300.000 đồng – 2.400.000 đồng/01 cục.

Về cách thức giao dịch, người mua ma túy gặp trực tiếp hoặc liên hệ qua điện thoại với H, sau khi trao đổi thống nhất khối lượng, loại ma túy, số tiền và địa điểm giao nhận, H trực tiếp đi giao ma túy và nhận tiền, nếu H không đi giao được thì kêu H3 hoặc K đi giao và nhận tiền đem về cho H, mỗi lần đi nhận hoặc giao ma túy sẽ được H trả công 200.000 đồng.

Số ma túy mua của N, H bán cho Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Mỹ L và một người tên O1 (không rõ nhân thân). Trong đó, H đã nhiều lần bán ma túy cho Nguyễn Thị Kim A nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu lần, mỗi lần Kim A mua khối lượng là “05 phân heroin”, H bán với số tiền 2.200.000 đồng. H là người trực tiếp đi giao ma túy, địa điểm giao là tại nhà của Kim A. Ngoài ra, H có kêu H và K đi giao ma túy cho Kim A, mỗi người giao 02 lần. Tuy nhiên đến ngày 21/01/2021, H thay đổi lời khai và phủ nhận việc có đưa ma túy cho K đi giao.

Ngoài Kim A, H còn xác định 02 lần bán ma túy cho Nguyễn Thị Mỹ L, ngụ ở phường C, quận N, mỗi lần bán với khối lượng là “05 phân heroin” nhưng L không thừa nhận. Bán ma túy cho một người phụ nữ tên O1 (không rõ họ tên và

địa chỉ) được 02 lần, mỗi lần khối lượng “05 phân heroin” với giá 2.200.000 đồng, lần gần nhất H giao ma túy cho O1 là tại bến xe 91B.

- Nguyễn Văn H3 khai nhận đã tham gia với vai trò giúp sức trong hoạt động mua bán ma túy của Phạm Thị Kim H để được trả công mỗi lần là 200.000 đồng. Cụ thể, H3 đã 02 lần đi nhận ma túy cho H, trong đó lần đầu là nhận ma túy của người phụ nữ tên N và lần thứ hai vào ngày 02/12/2020, khi H3 đang đem ma túy nhận từ H về nhà thì bị bắt. Ngoài ra, H3 còn 03 lần đi giao ma túy cho H tại nhà Kim A, lần gần nhất là vào ngày 01/12/2020. Cách thức giao nhận là khi H điện thoại chỉ nơi cất giấu ma túy trong nhà, H3 sẽ đến lấy, đem giao cho Kim A và nhận tiền về đưa lại cho H. Quá trình tham gia giúp sức cho H, H3 được trả công với tổng số tiền là 800.000 đồng.

- Nguyễn Tuấn K khai nhận ngày 02/12/2020, sau khi nhận điện thoại của H, K điều khiển xe ô tô biển số 52Y-7660 đi cùng Võ Hoàng U đến trạm dừng chân Phương Trang để chở H và L về nhà. Trên đường về đến đoạn đường thuộc phường H, quận C thì bị lực lượng chức năng khám xét và bắt giữ. Quá trình điều tra, K không thừa nhận tham gia mua bán ma túy và cũng không giúp sức đi giao ma túy cho H. Tuy nhiên, K liên tục thay đổi lời khai, lúc phủ nhận việc biết Kim A, lúc thừa nhận có đến nhà Kim A để lấy tranh đá cho H. Quá trình đối chất với Kim A, K phủ nhận việc quen biết Kim A và không thừa nhận hành vi giúp sức giao ma túy cho H. Đối với xe ô tô biển số 52Y-7660, K xác định mua lại của người tên L1, việc mua bán chỉ ghi bằng giấy tay, giấy tờ xe vẫn đứng tên chủ sở hữu là Đỗ Đình H2 có địa chỉ ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Võ Hoàng U khai nhận trong thời gian chung sống với Nguyễn Tuấn K tại số 36/3A, đường L, U phát hiện H có biểu hiện mua bán ma túy nên dò hỏi và được K thừa nhận. Đến tháng 10/2020, nhiều lần U được K chở đến nhà Kim A để giao đồ (đồ được quấn trong bọc nylon đen) và nhận tiền (tiền được quấn sẵn bằng dây thun) về đưa cho H nên U nghi ngờ K có tham gia hoạt động mua bán ma túy với H. Khoảng giữa tháng 11/2020, khi đi cùng K đến nhà Kim A, U nghi ngờ gói đồ có chứa ma túy nên đã 03 lần chủ động cầm gói đồ để giao cho Kim A nhằm xem có ma túy trong đó không nhưng không nhìn thấy rõ, khi giao Kim A cũng trả bằng cọc tiền được quấn sẵn bằng dây thun. Cuối tháng 11/2020, khi H đưa cho K 01 gói đồ để giao cho Kim A nhưng do K bận chạy xe nên U chủ động nhận từ K và đi giao cho Kim A. Trên đường đi, U kiểm tra và biết là ma túy nhưng vẫn tiếp tục đi giao và nhận tiền đem về cho H. Sau đó, U hỏi K và được K thừa nhận có tham gia mua bán ma túy với H, U khuyên K đừng tiếp tục tham gia thì K nói chỉ phụ đi giao ma túy, mục đích nhận tiền công từ H để dành làm đám cưới.

Thông qua lời khai của Phạm Thị Kim H, Nguyễn Văn H, Võ Hoàng U, vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 02/12/2020, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp đối với Nguyễn Thị Kim A tại nhà số 2/47/6B, đường M, phường A, quận N, thành phố C, phát hiện thu giữ tang vật gồm:

- 01 hộp nhựa tròn màu trắng có nắp đậy, bên trong có chứa 10 đoạn ống nhựa màu trắng cắt ngắn, hàn kín hai đầu, được thu giữ trên nền nhà cạnh chỗ Kim A đang ngồi;

- 03 đoạn ống nhựa màu trắng cắt ngắn, hàn kín hai đầu, được thu giữ trong túi áo khoác bên trái đang treo trên sào trong nhà của Kim A;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia (số IMEI 1: 357688100100255/07, số IMEI 2: 357688100100254/07), kèm sim số 0907 782 017;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia Model IA 1010 kèm sim số 0937 435 890;

- Tiền Việt Nam 5.000.000 đồng.

* Tại Bản Kết luận giám định số 443/KLGD-PC09 ngày 09/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận:

- Gói 1: chất bột (dạng cục) màu trắng trong 10 đoạn ống nhựa (ký hiệu M1), gửi giám định là ma túy, loại Heroin, khối lượng 0,3771 gram.

- Gói 2: chất bột (dạng cục) màu trắng trong 03 đoạn ống nhựa (ký hiệu M2), gửi giám định là ma túy, loại Heroin, khối lượng 0,1234 gram.

Trong quá trình khám xét tại nhà của Kim A, Cơ quan điều tra phát hiện Từ Thanh L đang có mặt tại đây có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu được kiểm tra, L lấy từ trong túi áo bên trái đang mặc trên người ra 07 đoạn ống nhựa màu trắng, hàn kín hai đầu bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục, Cơ quan điều tra tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang Từ Thanh L và thu giữ tang vật.

* Tại Bản Kết luận giám định số 445/KLGD-PC09 ngày 09/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận: chất bột (dạng cục) màu trắng trong 07 đoạn ống nhựa gửi giám định là ma túy, loại Heroin, khối lượng 0,2239 gram.

- Nguyễn Thị Kim A khai nhận từ tháng 02/2020 do cần tiền tiêu xài và Từ Thanh L có nhu cầu mua ma túy về sử dụng nên cả hai bàn bạc mua ma túy về bán lại kiếm lời. Kim A sẽ phụ trách tìm nguồn ma túy, tiền vốn do L bỏ ra. Sau đó, Kim A liên hệ với H hỏi mua ma túy và thống nhất giao dịch mỗi lần mua “05 phân” với số tiền từ 2.300.000 đồng đến 2.400.000 đồng, khi cần mua ma túy Kim A sẽ điện thoại cho H và sử dụng tiếng lóng là “nửa ký cà phê”, H sẽ hiểu và đem ma túy giao đến nhà cho Kim A. Từ tháng 02/2020 đến ngày 02/12/2020, mỗi ngày Kim A đều điện thoại cho H để mua ma túy trừ những lúc H bận công việc sẽ ngưng một ngày. Giao dịch mua bán đều trực tiếp liên hệ với H. Quá trình giao ma túy và nhận tiền, H trực tiếp thực hiện khoảng hơn 200 lần, nếu H không đi sẽ có người nhà của H đem ma túy đến giao và nhận tiền đem về cho H, cụ thể chồng của H là Nguyễn Văn H3 giao khoảng 05 lần (lần cuối là ngày 01/12/2020), con trai của H là Nguyễn Tuấn K giao từ 20 – 30 lần (lần cuối là sáng ngày 02/12/2020) và Võ Hoàng U có 03 lần trực tiếp giao ma túy, còn có những lần đi cùng K nhưng do K giao ma túy.

Sau khi nhận ma túy, Kim A sẽ đưa lại cho L và được trả công 300.000 đồng. L tự phân chia ma túy thành nhiều tép nhỏ để bán lại kiếm lời. Ngoài ra, mỗi ngày Kim A còn mua lại của L từ 04 – 05 tép ma túy với giá từ 70.000 đồng – 90.000 đồng/01 tép để bán lại cho người nghiện với giá 100.000 đồng/01 tép để kiếm lời, cụ thể Kim A đã nhiều lần bán ma túy cho B, Năm D, Ng và một số người khác nhưng không biết rõ họ tên và địa chỉ. Riêng ngày 02/12/2020 sau khi

nhận được ma túy do K giao, Kim A đã đưa cho L, khi L phân chia xong, Kim A mua lại 10 tép để bán lẻ cho người nghiện nhưng chưa kịp bán thì bị bắt giữ cùng tang vật. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ 03 tép ma túy để trong túi áo khoác của L treo trên sào đồ trong nhà của Kim A.

- Từ Thanh L khai nhận chỉ đến nhà của Kim A để mua ma túy về sử dụng, không liên quan đến hoạt động mua bán ma túy của Kim A. Trước đó, L đã 03 lần đến nhà Kim A để mua ma túy, mỗi lần mua 03 tép với giá 150.000 đồng. Ngày 02/12/2020, L đến nhà Kim A mua 07 tép ma túy để sử dụng với giá 350.000 đồng (50.000 đồng/01 tép), sau khi mua xong L bỏ vào túi áo đang mặc chuẩn bị ra về thì bị lực lượng chức năng đến khám xét nhà của Kim A phát hiện lập biên bản bắt quả tang. Ngoài ra, L không thừa nhận áo khoác chứa 03 tép ma túy treo trên sào đồ trong nhà của Kim A là của mình. Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định ADN trên chiếc áo khoác. Theo Kết luận giám định số 2577/C09B ngày 07/5/2021 của Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: không phát hiện thấy ADN người trên áo khoác màu đen.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2021/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, quyết định:

Tuyên bố:

- Các bị cáo Phạm Thị Kim H (tên gọi khác: Phạm Thị H; tên thường gọi: B), Nguyễn Văn H3, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Tuấn K và Võ Hoàng U phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Bị cáo Từ Thanh L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng: điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; khoản 2 Điều 51; các Điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Kim H **20 (hai mươi)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2020.

Buộc bị cáo Phạm Thị Kim H phải chịu hình phạt bổ sung (hình phạt tiền) với số tiền là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

2. Áp dụng: điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H3 **20 (hai mươi)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2020.

3. Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51; các Điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim A **09 (chín)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2020.

4. Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; các Điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn K **08 (tám)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2020.

5. Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; các Điều 17 và 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Hoàng U **07 (bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

6. Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Từ Thanh L **03 (ba)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2020.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 03/11/2021, bị cáo Võ Hoàng Y kháng cáo yêu cầu xem xét việc bị cáo không phạm tội như Bản án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Ngày 08/11/2021, bị cáo Nguyễn Văn H3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đến ngày 06/12/2021, bị cáo Nguyễn Văn H3 có đơn rút toàn bộ kháng cáo, được Trại tạm giam công an thành phố Cần Thơ xác nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bào chữa cho bị cáo U xác định: Bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo từ kháng cáo kêu oan sang kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Đối với kháng cáo của bị cáo H3: Bị cáo H đã có đơn xin rút kháng cáo, xét thấy việc rút kháng cáo của bị cáo H3 là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn rút kháng cáo của bị cáo H3.

Đối với kháng cáo của bị cáo U: Đơn của bị cáo U hợp lệ về hình thức và nội dung nên được đưa ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, luật sư của bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo của bị cáo U từ kháng cáo kêu oan sang kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị cáo là phù hợp, đúng quy định. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo U là giúp sức cho bị cáo Phạm Thị Kim H bán ma túy cho bị cáo Kim A, án sơ thẩm khi lượng hình đã xem xét tình tiết giảm nhẹ nên xử phạt bị cáo U 7 năm tù là phù hợp, có căn cứ. Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Bùi Duy T trình bày: Trong quá trình làm việc với bị cáo U, bị cáo có nguyện vọng thay đổi nội dung kháng cáo kêu oan thành kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo tuổi đời phạm tội còn trẻ, do sự thiếu hiểu biết khi chồng của mình vi phạm pháp luật lại còn giúp sức, đây là suy nghĩ nông cạn, thiếu chín chắn của bị cáo. Trong suốt quá trình điều tra thể hiện bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan cảnh sát điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai, nên bị cáo đã thay đổi nội dung kháng cáo, từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt. Mong Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị cáo Nguyễn Văn H3, Võ Hoàng U kháng cáo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

- Ngày 06/12/2021 bị cáo Nguyễn Văn H3 có đơn rút toàn bộ kháng cáo, được Trại tạm giam công an thành phố Cần Thơ xác nhận. Căn cứ Điều 338 và Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo số 05/2022/TB-TA về việc rút kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H3.

- Tại phiên tòa hôm nay (lần 2), bị cáo U vắng mặt và có nộp đơn xin hoãn phiên tòa đề ngày 30/3/2022, với lý do đang là F0 phải điều trị. Tuy nhiên, bị cáo U không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bị F0, hoặc có chỉ định của bệnh viện xác định bị cáo không thể tham gia phiên tòa. Đây là phiên tòa phúc thẩm đã triệu tập bị cáo đến xét xử lần 2, cả hai lần bị cáo đều vắng mặt. Đối với việc xin hoãn phiên tòa lần thứ 2 như nội dung đã nêu trên. Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị cáo U.

[2] Nội dung nhận định:

[2.1] Mặc dù bị cáo U thay đổi lời khai, cho rằng: Có đi chung với Nguyễn Tuấn K đến nhà Kim A để lấy tiền góp cho dì Phạm Thị Kim H (mẹ K), hoàn toàn không biết gì về việc giao nhận là ma túy. Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án xét thấy:

Tại Biên bản ghi lời khai các ngày 02/12 và 10/12/2020, bị cáo U khai: có đi chung với K đến nhà Kim A giao ma túy 03 lần và lấy số tiền khoảng 2.300.000 đến 2.400.000 đồng, K thừa nhận với U là đi giao ma túy cho mẹ H để cho tiền làm đám cưới, mỗi lần giao ma túy H cho K 500.000 đồng (Bút lục 315 -> 320). Bên cạnh đó, quá trình đối chất giữa bị cáo U và bị cáo Kim A thống nhất xác định: U đi chung với K nhiều lần đến giao ma túy, trong đó: U trực tiếp giao ma túy cho Kim A 03 lần (02 lần K chở đến và đậu xe ở ngoài để U vào giao ma túy và nhận tiền, 01 lần U đi một mình) với cùng phương thức là phía K – U giao 01 gói nhỏ trong bọc nylon màu đen và Kim A đưa lại một xấp tiền được quấn sẵn (Bút lục 375-376). Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế giao nhận trái phép chất ma túy phải có sự chuẩn bị sẵn và giao nhận nhanh chóng.

Bị cáo U cho rằng được định hướng khi khai báo, nhưng chính bị cáo cũng xác định: việc khai báo trong quá trình điều tra là tự nguyện. Hơn nữa, không chỉ tiến hành ghi lời khai, hỏi cung đối với bị cáo mà chính bản thân bị cáo đã thực hiện Tờ tự khai ngày 03/12/2020 và Đơn xin xem xét ngày 10/12/2020 với những nội dung cụ thể như trên (Bút lục 332, 334). Mặt khác, các lời khai của bị cáo còn phù hợp với các lời khai của các bị cáo khác.

Qua đó cho thấy, việc thu thập chứng cứ đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật nên được dùng làm căn cứ để xác định hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội theo quy định tại Điều 86 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Hơn nữa, xét về quan hệ nhân thân: Bị cáo H và bị cáo K có mối quan hệ mẹ con ruột, bị cáo U và bị cáo K chung sống như vợ chồng (đã đính hôn). Nên lời khai có bất nhất là nhằm che dấu hành vi phạm tội của mình, của đồng phạm. Dù việc thay đổi lời khai của bị cáo H, bị cáo U theo hướng có lợi là phù hợp với diễn biến tâm lý tội phạm, nhưng không đúng với sự thật khách quan của vụ án nên không được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xác định được: bị cáo K và U biết rõ bị cáo H mua bán trái phép chất ma túy nhưng vẫn trực tiếp đi giao ma túy nhiều lần theo sự chỉ đạo của H nên phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm (người thực hành). Như vậy, hành vi của bị cáo Võ Hoàng U thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo U tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng.

Mặt khác, tại phiên Tòa bị cáo U vắng mặt, luật sư bào chữa cho bị cáo thay đổi nội dung bào chữa từ kháng cáo kêu oan sang kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Luật sư bào chữa cho bị cáo U cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, nhưng mức hình phạt là quá nặng, nên bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng đến hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, trật tự xã hội và sức khỏe cộng đồng, là nguyên nhân tiềm tàng gây ra nhiều loại tội phạm và dẫn đến các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Võ Hoàng U phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và xử phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ, đúng các tình tiết giảm nhẹ. Tại phiên tòa, bị cáo cũng không cung cấp tình tiết mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[2.3] Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và nội dung bào chữa của Luật sư của bị cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H3. Bản án sơ thẩm có hiệu lực thi hành đối với các nội dung quyết định liên quan tới bị cáo Nguyễn Văn H3.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Hoàng U; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2021/HS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;

Tuyên bố:

- Bị cáo Võ Hoàng U phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; các điều 17 và 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng U **07 (bảy)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Võ Hoàng U phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ;
- Công an thành phố Cần Thơ;
- Trại tạm giam Công an thành phố Cần Thơ;
- Lưu: VP (3), Hồ sơ (2), (án BĐA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên